TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2017/KDTM-ST
Ngày: 16-8-2017
V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Chủ tọa phiên tòa – Thẩm phán: Ông Tô Văn Mạnh.

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thanh Hồng.

2. Ông Lê Bá Hợp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Đình Tiến - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 16/8/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 09/2017/TLST-KDTM ngày 19/01/2017 về tranh chấp "Hợp đồng mua bán hàng hóa" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1025/2017/QĐXXST-KDTM ngày 04/7/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn D, địa chỉ: đường Đăng D, phường T, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: Bà Phan Thị Quỳnh Anh, là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ký ngày 16/4/2017), (Có mặt)

Bị đơn: Công ty Cổ phần Đầu tư và xuất nhập khẩu N, địa chỉ: đường Phan Huy I, phường MB, quận G, Tp.Hồ Chí Minh (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 29/12/2016, nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn D và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Phan Thị Quỳnh Anh trình bày:

Công ty trách nhiệm hữu hạn D (Sau đây gọi tắt là Công ty TNHH V) và Công ty cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu N(sau đây gọi tắt là Công ty cổ phần N)

cùng ký kết Hợp đồng kinh tế số 0000019 ngày 12/5/2015 và phụ lục hợp đồng số 0000016 ngày 01/12/2015 với nội dung mua bán hàng hóa là hóa chất. Theo đó, Công ty TNHH V đã bán các hóa chất: Decosoft ES CONC, Elastojet 02, Depilase F1 Max, Depilase HC-SL, Depisoft LCP-P và Depisol Prime cho Công ty cổ phần N với tổng số tiền mua bán là 464.497.000 đồng. Phía Công ty cổ phần N mới thanh toán cho Công ty TNHH V số tiền 99.000.000 đồng. Số tiền chưa thanh toán là 365.497.000 đồng. Công ty TNHH V đã nhiều lần yêu cầu phía Công ty cổ phần N thanh toán dứt điểm số tiền còn thiếu nhưng phía Công ty cổ phần N vẫn không thanh toán. Do đó, Công ty TNHH V khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận Gò Vấp buộc Công ty cổ phần N phải thanh toán số tiền còn thiếu là 365.497.000 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán là 19.188.592 đồng. Yêu cầu thanh toán ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 15/3/2017, bà Nguyễn Thị Ngọc Bích là đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty cổ phần N trình bày:

Thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về số tiền còn nợ là 365.497.000 đồng. Do Công ty cổ phần N gặp khó khăn trong việc kinh doanh nên chậm thanh toán cho Công ty TNHH V. Nay Công ty cổ phần N xin trả số tiền trên thành bảy đợt. Bắt đầu từ ngày 31/3/2017 và đợt cuối cùng là ngày 29/9/2017. Tuy nhiên, sau đó phía bị đơn không tiếp tục đến Tòa án để giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò vấp:

- Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên toà sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 và Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán số tiền chưa thanh toán là 365.497.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán là 19.188.592 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Đây là vụ kiện tranh chấp Hợp đồng kinh tế. Hợp đồng ký kết nhằm mục đích lợi nhuận, các bên đều có đăng ký kinh doanh, thuộc về tranh chấp hợp đồng kinh tế, được quy định tại Khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

Theo hợp đồng, các bên thỏa thuận nếu có tranh chấp sẽ đưa ra Tòa kinh tế thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết. Tuy nhiên, thỏa thuận này là không phù hợp với quy định điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét, bị đơn có trụ sở tại quận Gò Vấp, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về xác định tư cách đương sự:

Bị đơn Công ty cổ phần N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ Hợp đồng kinh tế số 0000019 ngày 12/5/2015; Phụ lục hợp đồng số 0000016 ngày 01/12/2015, lời khai của đại diện nguyên đơn, lời trình bày xác nhận trong bản tự khai ngày 15/3/2017của đại diện bị đơn đã thể hiện giữa nguyên đơn và bị đơn có ký hợp đồng mua bán hàng hóa là hóa chất và phía bị đơn còn nợ của nguyên đơn số tiền chưa thanh toán là 365.497.000 đồng. Tại Điều 3 của hợp đồng về phương thức thanh toán thể hiện: *"Thời gian thanh toán: 60 ngày kể từ ngày giao hàng"*. Tuy hiên, đến nay bị đơn vẫn chưa thanh toán cho nguyên đơn là bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền còn thiếu là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng, phù hợp với quy định tại Điều 50 của Luật thương mại về nghĩa vụ thanh toán.

Đối với yêu cầu tính tiền lãi do chậm thanh toán của đại diện nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo Điều 306 của Luật thương mại thì bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng thì phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả. Do đó, nguyên đơn yêu cầu tính tiền lãi do chậm thanh toán là hoàn toàn có cơ sở.

Theo điều 306 Luật thương mại thì lãi suất được tính trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường. Tuy nhiên, đại diện nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố và số tiền yêu cầu là 19.188.592. Hội đồng xét xử xét thấy việc này có lợi cho bị đơn vì lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố thấp hơn lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty cổ phần N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Hoàn lại tiền tạm nộp án phí cho Công ty TNHH V.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 50; 306 Luật thương mại 2005;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn D.

Buộc Công ty Cổ phần Đầu tư và xuất nhập khẩu N có trách nhiệm thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn D số tiền 384.685.592 (Ba trăm tám mươi bốn triệu sáu trăm tám mươi lăm ngàn năm trăm chín hai) đồng (Bao gồm 365.497.000 đồng tiền nợ chưa thanh toán và 19.188.592 đồng tiền lãi chậm thanh toán) sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi Công ty trách nhiệm hữu hạn D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty Cổ phần Đầu tư và xuất nhập khẩu N chưa thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi, theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty Cổ phần Đầu tư và xuất nhập khẩu N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 19.234.280 (Mười chín triệu hai trăm ba mươi bốn ngàn hai trăm tám mươi) đồng.

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí là 9.617.140 (Chín triệu sáu trăm mười bảy ngàn một trăm bốn mươi) đồng cho Công ty trách nhiệm hữu hạn D theo biên lai số 0017714, ngày 19/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,

7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSNDQGV;
- CCTHADS QGV;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Tô Văn Mạnh